TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CS** **TỈNH GL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2022/QĐST-HNGĐ	*CS, ngày 08 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CS, TỈNH GL

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1968; trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL

- Bà Tạ Thị Chí Ch, sinh năm 1972; trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà C tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND phường Bùi Thị X, thành phố QN, tỉnh BĐ. Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm sống nên ông bà thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tại buổi hoà giải, ông bà không đồng ý đoàn tụ gia đình, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung gồm cháu Võ Tạ Hoàng S1, sinh ngày 24/3/1996, cháu Võ Tạ Hoàng A, sinh ngày 19/6/2003 và Võ Tạ Hoàng L, sinh ngày 21/4/2008. Hiện cháu S1 và cháu A đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông bà thống nhất thỏa thuận và phù hợp với nguyện vọng của cháu L, giao cháu Võ Tạ Hoàng L, sinh ngày 21/4/2008 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Ckhông yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông T và bà Cthỏa thuận mỗi người C 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Tạ Thị Chí C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà C thống nhất thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của con, giao cháu Võ Tạ Hoàng L, sinh ngày 21/4/2008 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Văn T và bà Tạ Thị Chí C mỗi người C150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005215 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CS, tỉnh GL.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện CS;
- Chi cục THADS huyện CS;
- UBND phường Bùi Thị X, thành phố Q N, tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu